BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ NĂM HỌC 2017 -2018

Tp.HCM, ngày …… tháng …… năm 2017

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

ĐÀO TẠO THEO HỆ TÍN CHỈ

STT	Hệ đào tạo	Lớp học	Số SV
1	Đại học Chính quy	CQ.54.CDBO.1	61
2		CQ.54.CDBO.2	62
3		CQ.54.CDANH	26
4		CQ.54.CDSA	19
5		CQ.54.CAHA	48
6		CQ.54.GTCC	35
7		CQ.54.GTTP	43
8		CQ.54.DGBO	60
9		CQ.54.DHMT	38
10		CQ.54.HTDT	28
11		CQ.54.KTVT	65
12		CQ.54.TDH	43
13		CQ.54.CDSB	55
14		CQ.54.XDDD.1	52
15		CQ.54.XDDD.2	58
16		CQ.55.CDB.2	53
17		CQ.55.CDB1	62
18		CQ.55.CAHA	26
19		CQ.55.CDANH	39
20		CQ.55.CNTT	38
21		CQ.55.GTCC	30
22		CQ.55.GTTP	44
23		CQ.55.CODT	37
24		CQ.55.COGH	20
25		CQ.55.CKOT	40
26		CQ.55.DGBO	43
27		CQ.55.DHMT	30
28		CQ.55.DSDT	18
29		CQ.55.KTTH.1	57
30		CQ.55.KTTH.2	70
31		CQ.55.KTCD	48
32		CQ.55.KTBC	53
33		CQ.55.KTVTDL	43
34		CQ.55.KTXD	72
35		CQ.55.KTGTDB	29
36		CQ.55.HTDT	30
37		CQ.55.KTVT	26
38		CQ.55.QTKD	40
39		CQ.55.QHGT	78
40		CQ.55.TDH	41
41		CQ.55.CDSB	35
42		CQ.55.XDDD1	52
43		CQ.55.XDDD.2	48
44		CQ.56.CDB.1	66
45		CQ.56.CDB.2	66
46		CQ.56.CDSA	26
47		CQ.56.CAHA	61
48		CQ.56.CDA	25
49		CQ.56.CNPM	46
50		CQ.56.GTCC	45
51		CQ.56.GTDT	50
52		CQ.56.CODT	30
53		CQ.56.COGH	30
54		CQ.56.CKOT	28
55		CQ.56.DGBO	59
56		CQ.56.DHMT	39
57		CQ.56.KTTH	59
58		CQ.56.KTBC	39
59		CQ.56.KTCD	27
60		CQ.56.KTVTDL	37
61		CQ.56.KTXD	82
62		CQ.56.KTDTTH	33
63		CQ.56.HTDT	31
64		CQ.56.KTMT	37
65		CQ.56.KTVT	41
66		CQ.56.QLXD	43
67		CQ.56.QTKD	46
68		CQ.56.QHGT	44
69		CQ.56.TDMT	19
70		CQ.56.TDH	34
71		CQ.56.CDSB	48
72		CQ.56.XDDD.1	58
73		CQ.56.XDDD.2	58
74		CQ.57.CDANH	45
75		CQ.57.CNTT	50
76		CQ.57.GTCC	46
77		CQ.57.GTDT	46
78		CQ.57.CODT	44
79		CQ.57.COGH	25
80		CQ.57.CKOT	70
81		CQ.57.KTTH	56
82		CQ.57.KTBC	45
83		CQ.57.KTCD	34
84		CQ.KTVTDL	39
85		CQ.57.KTXD	64
86		CQ.57.KTDTTHC	68
87		CQ.57.HTDT	52
88		CQ.57.KTMT	38
89		CQ.57.KTVT	54
90		CQ.57.CDB.1	80
91		CQ.57.CDB.2	78
92		CQ.57.CDSB	51
93		CQ.57.CAHA	91
94		CQ.57.DGBO	84
95		CQ.57.DHMT	50
96		LT.57.CDB	17
97		CQ.57.QLXD	48
98		CQ.57.QTLO	49
99		CQ.57.QHGT	29
100		CQ.57.TDH	40
101		CQ.57.XDDD.1	50
102		CQ.57.XDDD.2	59
103		CQ.58.CDB.1	60
104		CQ.58.CDB.2	60
105		CQ.58.CAHA	50
106		CQ.58.CNTT	80
107		CQ.58.GTCC	50
108		CQ.58.GTDT	50
109		CQ.58.CODT	40
110		CQ.58.COGH	40
111		CQ.58.CKOT	40
112		CQ.58.DGBO	70
113		CQ.58.DHMT	40
114		CQ.58.KTTH	60
115		CQ.58.KTBC	40
116		CQ.58.KTCD	40
117		CQ.58.KTVTDL	40
118		CQ.58.KTXD	60
119		CQ.58.KTDTTHC	40
120		CQ.58.HTDT	40
121		CQ.KTMT	40
122		CqQ.58.KTVT	40
123		CQ.58.QLXD	40
124		CQ.58.QLO	40
125		CQ.58.QHO	40
126		CQ.58.TDH	40
127		CQ.58.CDSB	50
128		CQ.58.XDDD.1	50
129		CQ.58.XDDD.2	50

Tuần học: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52

8 9 10 11 12 1 2 3 4 5 6 7 8

14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 4 11 18 25 1 8 15 22 29 5 12 19 26 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Chú giải: TK Thực tập kỹ thuật; CN Chính trị cuối khóa; TL Thi lại; BVTN Bảo vệ TN; C Chính trị đầu năm; HT Học + Thi; TH Thực tập địa chất; QP Giáo dục quốc phòng; T Thi; TX Thực tập xưởng; KG Khai giảng; DT Dự trữ; TN Tốt nghiệp; H Học; TM Thực tập chuyên môn; DD Đọc duyệt; TO Thực tập cấu tạo ôtô; TA Thực tập tay nghề; TT Thực tập tốt nghiệp; TTN Thực tập trắc địa; TẾT NGUYÊN ĐÁN

ĐÀO TẠO THEO HỆ NIÊN CHẾ

STT	HỆ ĐÀO TẠO	LỚP	SỐ SV
1	DHTC K54_TC	VL54.CDB54_CT	38
2		VL54.CDDB_Q9	17
3		VL54.KTVTS54_DA	54
4	DHTC K55_TC	VL55.CDB_CT	31
5		VL55.DMTX_DA	39
6	DHTC K57_TC	VLVH.57.KTVTS_DA	28
1	DHLT K56_LT	LT.56.CDB	28
1	DHB2 K56_B2	B2.56.CDB	11
2		B2.56.XDDD&CN	11

Tháng 8: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52

14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 4 11 18 25 1 8 15 22 29 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8

TẾT NGUYÊN ĐÁN

ĐÀO TẠO THEO HỆ SAU ĐẠI HỌC

STT	Hệ đào tạo	Lớp học	Sĩ số
1	Cao học K23.2	Kỹ thuật xây dựng công trình GT K23.2	43
2		Quản lý xây dựng K23.2	34
3		Quản trị kinh doanh K23.2	12
4		Công nghệ thông tin K23.2	7
5		Tổ chức và quản lý vận tải K23.2	10
1	Cao học K24.1	Kỹ thuật cơ khí động lực K24.1	6
2		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K24.1	37
3		Kỹ thuật xây dựng công trình xây dựng DD&CN K24.1	19
4		Quản lý xây dựng K24.1	25
1	Cao học K24.2	Cao học - Kỹ thuật xây dựng công trình GT K24.2	23
		Kỹ thuật xây dựng đường ô tô và đường TP	
		Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	
		Kỹ thuật xây dựng đường sắt	
		Kỹ thuật xây dựng sân bay	
		Kỹ thuật XD công trình giao thông đô thị	
		Kỹ thuật giao thông đường bộ	
		Thủy lực thủy văn công trình	
		Địa kỹ thuật công trình giao thông	
		Địa tin học công trình	
		Kỹ thuật XD hầm và công trình ngầm GT	
		Vật liệu xây dựng công trình giao thông	
		Kỹ thuật kết cấu công trình giao thông	
2		Cao học - Quản lý xây dựng K24.2	39
		Kinh tế xây dựng công trình giao thông	
		Quản lý xây dựng công trình giao thông	
		Quản lý xây dựng dân dụng và công nghiệp	
3		Cao học - Quản trị kinh doanh K24.2	15
		Quản trị nhân lực doanh nghiệp	
		Quản trị tài chính doanh nghiệp	
		Quản trị chiến lược doanh nghiệp	
		Quản trị Marketing	
1	Cao học K25.1	Cao học - Kỹ thuật xây dựng công trình GT K25.1	-24
		Kỹ thuật xây dựng đường ô tô và đường TP	
		Kỹ thuật xây dựng cầu hầm	
		Kỹ thuật xây dựng đường sắt	
		Kỹ thuật xây dựng sân bay	
		Kỹ thuật XD công trình giao thông đô thị	
		Kỹ thuật giao thông đường bộ	
		Thủy lực thủy văn công trình	
		Địa kỹ thuật công trình giao thông	
		Địa tin học công trình	
		Kỹ thuật XD hầm và công trình ngầm GT	
		Vật liệu xây dựng công trình giao thông	
		Kỹ thuật kết cấu công trình giao thông	
2		Cao học - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng K25.1	-24
3		Cao học - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa K25.1	-24
		Tự động hóa trong công nghiệp	
		Kỹ thuật điều khiển giao thông	
4		Cao học - Kỹ thuật viễn thông K25.1	-24
5		Cao học - Kỹ thuật điện tử K25.1	-24
6		Cao học - Quản trị kinh doanh K25.1	-24
		Quản trị nhân lực doanh nghiệp	
		Quản trị tài chính doanh nghiệp	
		Quản trị chiến lược doanh nghiệp	
		Quản trị Marketing	
7		Cao học - Quản lý xây dựng K25.1	-24
		Kinh tế xây dựng công trình giao thông	
		Quản lý xây dựng công trình giao thông	
		Quản lý xây dựng dân dụng và công nghiệp	
8		Cao học - Tổ chức và quản lý vận tải K25.1	-24
		Tổ chức và quản lý vận tải đường bộ	
		Tổ chức và quản lý vận tải đường sắt	
9		Cao học - Công nghệ thông tin K25.1	-24
10		Cao học - Kỹ thuật xây dựng công trình DD&CN K25.1	-24
11		Cao học - Kỹ thuật cơ khí động lực K25.1	-24
		Kỹ thuật ô tô máy kéo	
		Kỹ thuật đầu máy toa xe	
		Kỹ thuật động cơ đốt trong	
		Kỹ thuật máy	
		Kỹ thuật máy xây dựng	

Tuần học: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52

8 9 10 11 12 1 2 3 4 5 6 7 8

14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 4 11 18 25 1 8 15 22 29 5 12 19 26 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11 18 25 2 9 16 23 30 6 13 20 27 3 10 17 24 3 10 17 24 31 7 14 21 28 5 12 19 26 2 9 16 23 30 7 14 21 28 4 11

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Chú giải: TK Thực tập kỹ thuật; CN Chính trị cuối khóa; TL Thi lại; BVTN Bảo vệ TN; C Chính trị đầu năm; HT Học + Thi; TH Thực tập địa chất; QP Giáo dục quốc phòng; T Thi; TX Thực tập xưởng; KG Khai giảng; DT Dự trữ; TN Tốt nghiệp; H Học; TM Thực tập chuyên môn; DD Đọc duyệt; TO Thực tập cấu tạo ôtô; TA Thực tập tay nghề; TT Thực tập tốt nghiệp; TTN Thực tập trắc địa; TẾT NGUYÊN ĐÁN